

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 512 /DVKT - VP

Tp. HCM, ngày 19 tháng 8 năm 2014

Về việc: Công bố Báo cáo
tài chính Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2013

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Cơ quan đại diện của Ủy ban Chứng khoán nhà nước tại TPHCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : Tổng công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)
2. Mã chứng khoán: **PVS**
3. Trụ sở chính : Số 1-5 Lê Duẩn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
4. Điện thoại : 08.3910 2828 Fax: 08.3910 2929
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đức Thủy
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã kiểm toán của Công ty Mẹ - Tổng công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.ptsc.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- TGD (để b/c);
- Website: www.ptsc.com.vn;
- Lưu VT, TK, HĐQT.

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC

Người công bố thông tin



Nguyễn Đức Thủy

Deloitte

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT
DẦU KHÍ VIỆT NAM (CÔNG TY MẸ)**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

K. D. D.
TỔN
G
DỊCH V
D
VI
V I T

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 40



100
GC
ÓP
/U K
ÀU
ỆT
P. H

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty mẹ”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty mẹ trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Tạ Đức Tiến	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2013)
Ông Phan Thanh Tùng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2013)
Ông Lê Minh Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thanh Tùng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2013)
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2013)
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Cự Tân	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2013)
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Hoan	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không.
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

150
ÔNG
HẮN
Y TH
KHÍ
NAM
1250
HI N'
CÔN
CH NH
DELI
VIỆ
1-T

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty mẹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty mẹ đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam *Vat*

002
HÀNG
TY
NHŨ
TIT
NA
P. HC

Số: 335/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2014 từ trang 5 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty mẹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem lại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

11/01/2014
E.M. NGUYEN
T. NGUYEN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

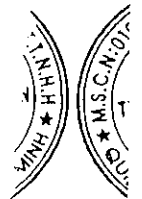
Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi cũng đồng thời kiểm toán việc trình bày lại báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được đề cập tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Theo ý kiến của chúng tôi, việc trình bày này là phù hợp và đã được phản ánh đầy đủ.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 14 tháng 3 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	
			31/12/2013	(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		8.319.445.687.045	7.769.525.608.546
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	2.924.233.070.863	2.735.680.330.612
1. Tiền	111		1.350.689.753.803	972.827.399.324
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.573.543.317.060	1.762.852.931.288
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	150.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	150.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.952.308.965.638	4.500.853.765.011
1. Phải thu khách hàng	131		2.755.000.018.894	2.023.010.914.407
2. Trả trước cho người bán	132		54.397.096.013	11.081.678.642
3. Các khoản phải thu khác	135	7	2.161.740.266.559	2.474.928.915.935
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(18.828.415.828)	(8.167.743.973)
IV. Hàng tồn kho	140	8	408.228.713.351	358.847.533.858
1. Hàng tồn kho	141		409.978.698.999	360.591.510.556
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.749.985.648)	(1.743.976.698)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.674.937.193	24.143.979.065
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.837.557.289	10.736.832.784
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		27.805.659.698	7.405.197.499
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.031.720.206	6.001.948.782
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260)	200		7.160.680.492.336	6.690.329.635.984
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	155.728.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		684.403.704	565.357.637
2. Phải thu dài hạn khác	218		578.011.961	597.459.983
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.262.415.665)	(1.007.089.620)
II. Tài sản cố định	220		1.309.142.827.249	1.436.108.622.377
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.292.752.422.310	1.398.470.691.919
- Nguyên giá	222		4.012.265.930.135	3.722.111.712.447
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.719.513.507.825)	(2.323.641.020.528)
2. Tài sản cố định vô hình	227		3.702.118.323	3.256.549.253
- Nguyên giá	228		12.105.405.651	10.288.061.283
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.403.287.328)	(7.031.512.030)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	12.688.286.616	34.381.381.205
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.515.502.671.749	4.908.646.823.330
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	2.904.783.892.070	3.335.592.692.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	2.799.062.040.787	1.660.165.515.787
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	195.250.449.076	244.117.137.416
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14	(383.593.710.184)	(331.228.521.873)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		336.034.993.338	345.418.462.277
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	326.265.900.317	332.674.007.668
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	7.773.292.850	10.828.450.534
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.995.800.171	1.916.004.075
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		15.480.126.179.381	14.459.855.244.530

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

J. O
 T. O
 CH
 01/12
 CHI
 CẾ
 SÁCH
 DE
 VI
 1/1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	
			31/12/2013	(Trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		8.506.834.730.139	8.994.770.285.958
I. Nợ ngắn hạn	310		6.558.698.416.057	6.223.288.522.498
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	922.832.135.323	1.045.733.867.861
2. Phải trả người bán	312		1.889.318.170.645	1.264.037.406.454
3. Người mua trả tiền trước	313		1.560.950.154.066	1.262.298.859.827
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	132.367.074.536	150.303.779.857
5. Phải trả người lao động	315		200.934.654.250	151.702.531.558
6. Chi phí phải trả	316	19	269.807.307.280	405.138.869.880
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	1.439.054.214.997	1.814.602.541.989
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		143.434.704.960	129.470.665.072
II. Nợ dài hạn	330		1.948.136.314.082	2.771.481.763.460
1. Phải trả dài hạn người bán	331		265.071.740.439	331.339.675.549
2. Phải trả dài hạn khác	333		12.050.000	-
3. Vay và nợ dài hạn	334	21	1.683.052.523.643	2.440.142.087.911
	400			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)			6.973.291.449.242	5.465.084.958.572
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	6.973.291.449.242	5.465.048.483.161
1. Vốn điều lệ	411		4.467.004.210.000	2.978.020.940.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		39.617.060.000	486.293.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.111.628.012.143	1.019.651.628.514
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		203.411.767.990	165.091.224.982
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.151.630.399.109	815.991.689.665
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	36.475.411
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	36.475.411
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		15.480.126.179.381	14.459.855.244.530

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	22.814.717,58	13.226.124,30
Bảng Anh (GBP)	2.130,56	149,91

Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng

Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

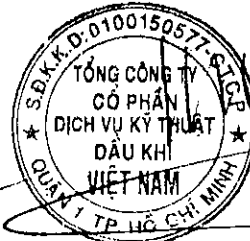
MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	
				(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	8.570.264.989.067	7.598.401.929.481
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		8.570.264.989.067	7.598.401.929.481
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	7.379.727.006.292	6.588.355.729.711
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.190.537.982.775	1.010.046.199.770
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	704.351.450.545	564.559.171.864
6. Chi phí tài chính	22	27	243.378.134.537	559.772.666.974
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		75.237.035.048	105.462.169.599
7. Chi phí bán hàng	24		45.512.499.657	36.930.897.751
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		313.782.558.296	255.241.992.371
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		1.292.216.240.830	722.659.814.538
10. Thu nhập khác	31		61.550.809.681	403.265.691.896
11. Chi phí khác	32		18.177.869.814	38.794.200.853
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	28	43.372.939.867	364.471.491.043
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		1.335.589.180.697	1.087.131.305.581
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	230.484.453.407	200.721.128.829
15. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	16	3.055.157.684	70.418.487.087
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		1.102.049.569.606	815.991.689.665

Nguyễn Quang Chánh
 Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường
 Kế toán trưởng



Phan Thanh Tùng
 Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐÀU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**MẪU B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	
		Năm 2013	(Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.335.589.180.697	1.087.131.305.581
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	369.885.373.686	388.204.629.712
Các khoản dự phòng	03	63.287.195.161	282.193.356.055
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	32.102.196.319	(53.941.388.467)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(663.219.293.694)	(451.819.420.057)
Chi phí lãi vay	06	75.237.035.048	105.462.169.599
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.212.881.687.217	1.357.230.652.423
Thay đổi các khoản phải thu	09	(296.743.739.117)	370.747.329.668
Thay đổi hàng tồn kho	10	(49.387.188.443)	20.870.946.688
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	692.957.334.789	(862.804.176.419)
Thay đổi chi phí trả trước	12	12.307.382.846	(4.988.211.747)
Tiền lãi vay đã trả	13	(234.678.857.873)	(184.921.700.607)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(254.178.933.880)	(324.397.651.108)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	113.253.786	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(74.059.107.389)	(55.073.739.859)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.009.211.831.936	316.663.449.039
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng Tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(37.511.309.065)	(114.031.603.751)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán Tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	234.545.454
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(150.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	200.440.532.965	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.311.337.834.192)	(398.696.207.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	250.000.000.000	61.811.322.250
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	684.663.148.652	448.387.342.581
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(213.745.461.640)	(152.294.600.966)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	1.042.307.330.000	
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	200.000.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(905.081.813.348)	(824.703.424.568)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(736.729.393.418)	(441.154.713.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(599.503.876.766)	(1.065.858.138.068)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	195.962.493.530	(901.489.289.995)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.735.680.330.612	3.620.827.328.144
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(7.409.753.279)	16.342.292.463
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.924.233.070.863	2.735.680.330.612

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm số tiền 38.193.559.702 đồng là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 41.333.948.256 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng được trả điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm số tiền 6.512.583.673 đồng là khoản cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 312.698.880.173 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.

Ngoài ra, tiền thu từ lợi nhuận và cổ tức của các khoản đầu tư không bao gồm số tiền 9.329.501.930 đồng chưa được thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 8.831.350.770 đồng); số tiền lãi dự thu với số tiền là 3.678.006.607 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 9.292.480.105 đồng).

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu không bao gồm 446.675.940.000 đồng là số tăng vốn bằng thặng dư vốn cổ phần (năm 2012: 0 đồng).

Các giao dịch này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển trong năm và vì vậy, không được trình bày trong báo cáo trên đây.

Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng



Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHAI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015198 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 5 số 0100150577 ngày 03 tháng 7 năm 2013 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") là cổ đông chính của Công ty mẹ.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2.004 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.926 người).

Các chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ:

- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Địa Nẵng
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng PTSC
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Nhiệt Điện Long Phú
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Quảng Bình

Hoạt động chính

Kinh doanh dịch vụ dầu khí; quản lý, kinh doanh, khai thác các tàu dịch vụ; dịch vụ căn cứ cảng; dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hoá; quản lý kinh doanh và khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa và xử lý dầu (FPSO); quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí; chế tạo và lắp đặt các loại bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng và các loại đường ống dẫn dầu, dẫn khí; sửa chữa tàu biển và các công trình dầu khí biển; dịch vụ khảo sát địa vật lý, địa chất công trình, dịch vụ lặn, khảo sát công trình ngầm bằng thiết bị ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và các công trình công nghiệp, dân dụng; bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới, hoán cải các phương tiện nổi; xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư dầu khí; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; kinh doanh khách sạn và văn phòng làm việc; dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và cứu hộ; kinh doanh các sản phẩm dầu khí và phân đạm.

00-
NHÀ
NG
HIỆM
OI
TN
TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty mẹ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty mẹ; vì thế, Công ty mẹ không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty mẹ được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 5 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty mẹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ quyết định trình bày lại báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã phát hành ngày 09 tháng 3 năm 2013 để thực hiện các điều chỉnh theo yêu cầu của Kiểm toán Nhà nước tại Biên bản kiểm toán ngày 01 tháng 6 năm 2013. Những thay đổi trong một số khoản mục của báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được thể hiện trong bảng sau:

0150
CÔNG
PHÂN
KỸ T
U KH
T N
HỒ

02-C
H
Y
HAI
TE
AM
CHI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐÀU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	Mã số	Số đã trình bày <u>VND</u>	Số trình bày lại <u>VND</u>	Thay đổi <u>VND</u>
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Doanh thu thuần	10	7.591.419.236.103	7.598.401.929.481	6.982.693.378
Giá vốn hàng bán	11	6.641.298.040.182	6.588.355.729.711	(52.942.310.471)
Chi phí tài chính	22	556.938.463.141	559.772.666.974	2.834.203.833
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	257.089.066.019	255.241.992.371	(1.847.073.648)
Thu nhập khác	31	396.095.792.888	403.265.691.896	7.169.899.008
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	184.194.185.661	200.721.128.829	16.526.943.168
Lợi nhuận sau thuế	60	766.410.860.161	815.991.689.665	49.580.829.504

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Phải thu khách hàng	131	2.015.422.532.151	2.023.010.914.407	7.588.382.256
Các khoản phải thu khác	135	2.444.236.141.975	2.474.928.915.935	30.692.773.960
Hàng tồn kho	141	345.567.978.487	360.591.510.556	15.023.532.069
Thuế GTGT được khấu trừ	152	8.182.640.132	7.405.197.499	(777.442.633)
Tài sản cố định hữu hình				
- Nguyên giá	222	3.726.098.235.933	3.722.111.712.447	(3.986.523.486)
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(2.325.007.805.587)	(2.323.641.020.528)	1.366.785.059
Chi phí trả trước dài hạn	261	331.459.113.262	332.674.007.668	1.214.894.406
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	132.750.055.811	150.303.779.857	17.553.724.046
Phải trả người lao động	315	160.544.784.469	151.702.531.558	(8.842.252.911)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	1.821.772.440.997	1.814.602.541.989	(7.169.899.008)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	766.410.860.160	815.991.689.665	49.580.829.505

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thay đổi các khoản phải thu	09	408.251.043.251	370.747.329.668	(37.503.713.583)
Thay đổi hàng tồn kho	10	35.894.478.757	20.870.946.688	(15.023.532.069)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(851.805.328.864)	(862.804.176.419)	(10.998.847.555)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(3.773.317.341)	(4.988.211.747)	(1.214.894.406)

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty mẹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty mẹ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty mẹ bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí dịch vụ mua ngoài, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

13/01/2014
D
QUẢN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*Số năm

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc và thiết bị	3 - 07
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng và tài sản khác	3 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và các phần mềm quản lý được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao theo quy định hiện hành. Phần mềm quản lý được phân bổ trong 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty mẹ. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện khoản chi phí thuê văn phòng tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn bắt đầu từ tháng 10 năm 2010, thời hạn 50 năm. Công ty mẹ phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các công cụ dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty mẹ với thời hạn từ một năm trở lên, và tài sản cố định không thỏa mãn điều kiện là tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư 45. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty mẹ là bên cho thuê

Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty mẹ là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

D.01
TỔNG
C
CH V
Đ
VI
TP.
1500-
NH
ÔNG
NHIỆM
LỢI
IẾT
TP.1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty mẹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- (b) Công ty mẹ không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (d) Công ty mẹ sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty mẹ có quyền nhận khoản lãi.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

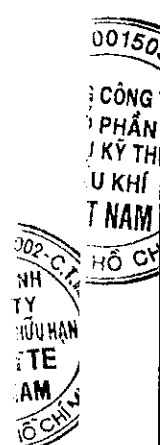
Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ giữ trên 50% quyền kiểm soát.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh và liên kết và các công ty nhận đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên tại các công ty này.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Ngoại tệ**

Công ty mẹ áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty mẹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty mẹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

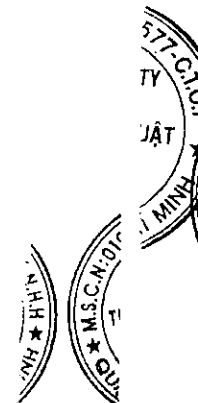
Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty mẹ có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty mẹ có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty mẹ căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.851.082.508	10.526.383.110
Tiền gửi ngân hàng	1.348.838.671.295	962.301.016.214
Các khoản tương đương tiền	1.573.543.317.060	1.762.852.931.288
	<u>2.924.233.070.863</u>	<u>2.735.680.330.612</u>

Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn gửi dưới 3 tháng với lãi suất từ 5% đến 7%/năm và bao gồm số tiền 2.989.879.344 đồng là khoản được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản các vay của Công ty mẹ.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	(Trình bày lại) VND
Phải thu từ các Công ty con (i)	883.195.019.936	1.195.573.739.477
Công ty Saipem Asia Sdn Bhd (ii)	11.691.853.169	12.305.607.656
Liên doanh Dầu Khí Việt Nga (Vietsovpetro)	-	7.806.181.801
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Long Phú - Sông Hậu (iii)	561.165.082.100	542.635.104.180
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (iv)	228.630.275.888	224.157.274.969
Công ty Cổ phần Đóng mới và sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch (v)	230.819.875.570	230.819.875.570
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (vi)	135.242.585.846	135.242.585.846
Công ty TNHH Gulf Marine Far East (Pte)	4.059.696.445	25.338.529.533
Thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ do chưa thanh toán	-	12.404.516.873
Talisman	16.483.209.377	14.416.183.512
Yinson Offshore LTD	4.262.499.740	
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (vii)	2.927.589.014	
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu khí (Petechim) (viii)	18.360.000.000	
Giá trị XD/CB điều chỉnh tạm thời của KTNN năm 2012	11.316.565.122	15.916.338.937
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (Bien Dong POC)	23.719.193.800	
Phải thu vật tư trên các tàu dịch vụ	-	24.975.108.829
Phải thu khác	29.866.820.552	33.337.868.750
	<u>2.161.740.266.559</u>	<u>2.474.928.915.935</u>

(i) Phải thu từ các Công ty con thể hiện khoản công nợ phải thu nội bộ giữa Công ty mẹ với các công ty con. Trong đó bao gồm các khoản phải thu từ việc chuyển nhượng tài sản và các khoản giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ với các Công ty con.

(ii) Khoản phải thu từ Công ty Saipem Asia Sdn Bhd là khoản chi hộ của dịch vụ đại lý tàu biển mà Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cánh Dịch vụ Dầu khí thực hiện cho Công ty Saipem Asia Sdn Bhd.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

- (iii) Khoản phải thu từ Ban Quản lý Dự Án Nhiệt điện Long Phú Sông Hậu - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm khoản phải thu từ doanh thu trích trước theo tiến độ hoàn thành từ mốc 9 đến mốc 16 của hạng mục san lấp mặt bằng và doanh thu phí quản lý.
- (iv) Khoản phải thu từ Ngân Hàng Thương Mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam liên quan đến công trình đóng mới kho nổi chứa dầu FSO05 mà Công ty mẹ là chủ đầu tư và Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin) là nhà thầu thực hiện. Khoản phải thu này sẽ được bù trừ với công nợ phải trả cho Vinashin như đã nêu ở Thuyết minh số 20 bên dưới khi hai bên quyết toán giá trị công trình.
- (v) Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch thể hiện khoản phải thu liên quan đến việc chuyển giao giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch mà Công ty mẹ nhận bàn giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") theo Nghị quyết số 7090/NQ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Nghị quyết số 2047/NQ-DVKT-HDQT ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Công ty mẹ. Khoản phải thu này có thể được điều chỉnh và được bù trừ với khoản công nợ phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến dự án này (xem Thuyết minh số 20) sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.
- (vi) Khoản phải thu Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất bao gồm số tiền phải thu liên quan đến chuyển nhượng 15 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với khoản công nợ phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến dự án này sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.
- (vii) Khoản phải thu Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam gồm số tiền trích trước doanh thu liên quan tới hợp đồng Khảo sát địa chấn 2D liên kết các bể trầm tích trên thềm lục địa Việt Nam.
- (viii) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (Petechim) là khoản phải thu liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) theo Hợp đồng số 381-2013/PTSC-TCNS/HĐ ngày 24 tháng 12 năm 2013.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	(Trình bày lại) VND
Nguyên liệu, vật liệu	75.773.038.798	56.115.407.101
Công cụ, dụng cụ	588.858.968	834.800.177
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	326.230.631.638	303.622.604.514
Hàng hoá	7.386.169.595	18.698.764
Cộng	409.978.698.999	360.591.510.556
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.749.985.648)	(1.743.976.698)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	408.228.713.351	358.847.533.858

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chủ yếu là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú với giá trị là 266.751 triệu đồng.

300
 NH
 NG
 HIỆU
 LỢI
 ỆT
 TP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN**

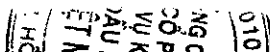
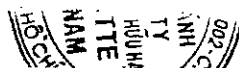
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013 (Trình bày lại)	725.709.792.546	40.114.679.576	50.176.246.069	2.906.110.994.256	-	3.722.111.712.447
Tăng trong năm	-	3.371.476.591	5.715.193.502	1.816.613.636	-	10.903.283.729
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	(2.067.503.706)	28.019.184.212	415.450.000	16.914.150.865	-	43.281.281.371
Tăng do mua bán, chuyển đổi	247.857.122.713	1.237.142.805	95.000.000	8.800.000.000	42.000.000	258.031.265.518
Tăng khác	1.239.951.329	820.977.857	200.808.491	551.730.675	-	2.813.468.352
Tài sản đem đi góp vốn	-	-	-	(11.209.938.000)	-	(11.209.938.000)
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(629.806.092)	(2.729.837.195)	(10.223.409.087)	(40.090.908)	-	(13.623.143.282)
Giảm khác	-	-	-	-	(42.000.000)	(42.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	972.109.556.790	70.833.623.846	46.379.288.975	2.922.943.460.524	-	4.012.265.930.135
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013 (Trình bày lại)	308.688.266.306	22.091.891.973	31.960.686.788	1.960.900.175.461	-	2.323.641.020.528
Khấu hao trong năm	83.164.096.268	8.855.436.461	8.877.811.710	267.564.296.099	4.830.000	368.466.470.538
Tăng do mua bán, chuyển đổi	36.266.416.972	780.929.193	60.972.222	7.621.884.911	27.090.000	44.757.293.298
Tăng khác	1.640.330.184	-	309.755.712	-	-	1.950.085.896
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(570.795.823)	(1.576.584.727)	(8.040.710.377)	(40.180.903)	-	(10.228.271.830)
Giảm khác	-	(61.308.491)	-	(8.979.862.114)	(31.920.000)	(9.073.090.605)
Tại ngày 31/12/2013	429.188.313.907	30.090.364.409	33.168.516.055	2.227.066.313.454	-	2.719.513.507.825
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2013	542.921.242.883	40.743.259.437	13.210.772.920	695.877.147.070	-	1.292.752.422.310
Tại ngày 31/12/2012	417.021.526.240	18.022.787.603	18.215.559.281	945.210.818.795	-	1.398.470.691.919

Giảm khác thể hiện giá trị tài sản điều chuyển nội bộ giữa Công ty mẹ và các công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty mẹ là 1.271 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.239 tỷ đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty mẹ đã thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng với nguyên giá là 1.173 tỷ đồng. Các tài sản Công ty mẹ đang quản lý, theo dõi và trích khấu hao theo Thông tư 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC được ghi giảm tài sản với giá trị còn lại là 3,4 tỷ đồng, điều chuyển sang tài khoản chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng hai năm.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

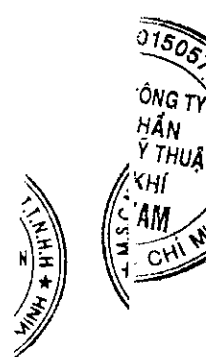
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tòa nhà PTSC Tower Vũng Tàu	8.620.653.020	8.637.308.668
Nhà văn phòng PTSC Hà Nội	1.925.111.065	-
Trung tâm Thương mại Đà Nẵng	-	22.301.599.342
Nhà xưởng Công ty Tàu DVĐK	-	1.405.131.069
Phần mềm quản lý nhân sự	1.079.746.500	1.079.746.500
Khác	1.062.776.031	957.595.626
	12.688.286.616	34.381.381.205

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu (%)	31/12/2013		31/12/2012	
		VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm dầu khí PTSC	100,00%	300.000.000.000	100,00%	300.000.000.000	
Công ty TNHH Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	100,00%	628.160.788.070	93,88%	576.860.500.000	
Công ty Cổ phần Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	84,95%	339.807.000.000	84,95%	339.807.000.000	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	51,00%	102.000.000.000	51,00%	102.000.000.000	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	95,19%	285.581.000.000	95,19%	285.581.000.000	
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	54,69%	218.773.000.000	54,69%	218.773.000.000	
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	59,61%	208.645.000.000	59,61%	208.645.000.000	
Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình	-	-	100,00%	250.000.000.000	
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An	-	-	56,80%	250.000.000.000	
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	100,00%	20.000.000.000	100,00%	20.000.000.000	
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	55,61%	204.000.000.000	50,61%	167.000.000.000	
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu Khí	-	-	43,35%	19.109.088.000	
Công ty TNHH Khảo sát Địa Vật lý PTSC CGGV	51,00%	597.817.104.000	51,00%	597.817.104.000	
		2.904.783.892.070		3.335.592.692.000	

Ngày 06 tháng 12 năm 2013, Công ty mẹ và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN") đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 370-2013/PTSC-TCNS/HĐ về việc chuyển nhượng toàn bộ 25.000.000 cổ phần của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An cho PVN. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An đã hoàn tất việc phát hành số cổ phần cho PVN với số lượng cổ phần đã nhận chuyển nhượng nêu trên. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An không còn là công ty con của Công ty mẹ.



[Handwritten signature]

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Ngày 24 tháng 12 năm 2013, Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (“Petechim”) đã ký hợp đồng chuyển nhượng sở hữu cổ phần số 381-2013/PTSC-TCNS/HĐ về việc chuyển nhượng toàn bộ 1.836.000 cổ phần của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí cho Petechim. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí đã hoàn tất việc phát hành Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho Petechim với số lượng cổ phần đã nhận chuyển nhượng từ Công ty mẹ. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí không còn là công ty con của Công ty mẹ.

Trong năm, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đã ban hành Quyết định số 1039/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 07 tháng 12 năm 2012 về việc thành lập Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình và Quyết định số 02/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 04 tháng 01 năm 2013 về việc giải thể Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình. Theo đó, Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình đã chính thức hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2013.

Trong năm, Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC đã chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với 100% vốn sở hữu thuộc Công ty mẹ theo Quyết định số 319/2013/QĐ-CKHH-HĐQT ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC đã hoạt động theo hình thức công ty TNHH với vốn điều lệ đã góp là 628.160.788.070 đồng.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Tên công ty	31/12/2013		31/12/2012	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND
Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	33,00%	106.022.400	33,00%	106.022.400
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited (i)	49,00%	292.324.455.887	49,00%	292.324.455.887
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (ii)	60,00%	583.995.300.000	60,00%	583.995.300.000
Công ty Liên doanh PTSC SEA (iii)	51,00%	330.029.032.500	51,00%	278.622.307.500
Công ty Liên doanh PTSC AP (iv)	51,00%	1.069.026.300.000	51,00%	106.411.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	42,05%	215.648.500.000	42,05%	215.648.500.000
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà (v)	49,95%	124.875.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (vi)	37,00%	11.100.000.000	37,00%	11.100.000.000
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	28,75%	171.957.430.000	28,75%	171.957.430.000
		2.799.062.040.787		1.660.165.515.787

- (i) Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (MVOT) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập giữa Công ty mẹ và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhard từ năm 2009 để đầu tư kho nổi FSO “Orkid” sức chứa 650.000 thùng dầu để cho khách hàng Talisman Malaysia Limited thuê trong vòng 10 năm, phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chông lán thương mại PM-3 giữa Việt Nam và Malaysia. Kho nổi FSO “Orkid” đã đi vào hoạt động từ năm 2009.



[Handwritten signature]

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

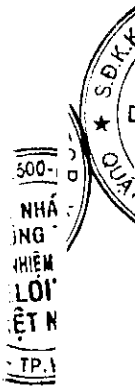
Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

- (ii) Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập giữa Công ty mẹ và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhad từ năm 2009, trong đó Công ty mẹ chiếm 60% vốn để sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa dầu FPSO “Ruby II” phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của khách hàng Petronas. Từ tháng 6 năm 2010, kho nổi “FPSO Ruby II” đã bắt đầu hoạt động và đưa vào vận hành khai thác.
- (iii) Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (PTSC SEA) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong tháng 9 năm 2011 bởi Công ty mẹ cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHĐT-ĐTRNN ngày 31 tháng 10 năm 2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu (FSO) cho Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BDPOC) thuê phục vụ khai thác dầu, khí tại lô 05.2 và lô 05.3 ngoài khơi Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 Đô la Mỹ, tương đương 3.071.478.027.530 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 37.329.582 Đô la Mỹ chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Công ty mẹ góp là 19.038.087 Đô la Mỹ, tương đương 391.613.449.590 đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Hoạt động của liên doanh là đầu tư và sở hữu FSO “PTSC Biển Đông 01”; cho PTSC thuê tàu trần FSO; tiếp thị và cho thuê tàu sau khi hết hạn hợp đồng; các nội dung công việc khác theo điều lệ công ty. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty mẹ đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC SEA là 15.810.000 Đô la Mỹ, tương đương 330.029.032.500 đồng.
- (iv) Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP) là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong năm 2012 bởi Công ty mẹ cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHĐT-ĐTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để góp vốn đầu tư kinh doanh kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu (FPSO) cho Công ty Điều hành chung Lam Sơn (Lam Sơn JOC) thuê phục vụ phát triển lô 01/97 và lô 02/97 thuộc vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 399.988.087 Đô la Mỹ, tương đương 8.319.752.209.600 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 Đô la Mỹ chiếm 30% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Công ty mẹ góp là 61.198.177 Đô la Mỹ, tương đương 1.272.922.081.600 đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Công ty mẹ đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC AP là 51.000.000 Đô la Mỹ, tương đương 1.069.026.300.000 đồng.
- (v) Công ty Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà là Công ty cổ phần được thành lập từ vốn góp của Công ty mẹ, Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng và một cá nhân khác theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0401539487 cấp ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Công ty có vốn điều lệ là 250.000.000.000 đồng, trong đó vốn góp của Công ty mẹ là 124.875.000.000 đồng, tương đương 49,95% vốn điều lệ. Các bên đang trong quá trình thực hiện góp vốn và đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty mẹ đã thực hiện góp vốn vào Công ty Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà với giá trị là 124.875.000.000 đồng.
- (vi) Ngày 17 tháng 10 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty mẹ đã ban hành Nghị quyết số 802/NQ-DVKT-HĐQT về việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (“PV Security”). Theo đó, Công ty mẹ sẽ nhận chuyển nhượng toàn bộ 420.000 cổ phần của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lạc - Hóa dầu Bình Sơn tại PV Security. Sau khi nhận chuyển nhượng, số lượng cổ phần sở hữu của Công ty mẹ tại PV Security sẽ tăng từ 1.110.000 cổ phần, tương đương 37% vốn điều lệ lên 1.530.000 cổ phần, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, việc chuyển nhượng trên đang trong quá trình thực hiện.



Handwritten signature or initials.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Liên doanh Ròng Đồi MV12	98.967.405.366	147.834.093.706
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.126.510.000	23.126.510.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam	10.329.990.000	10.329.990.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn nhân lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam	2.815.343.710	2.815.343.710
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức	47.011.200.000	47.011.200.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.000.000.000	3.000.000.000
	195.250.449.076	244.117.137.416

Khoản cho vay Công ty Liên doanh Ròng Đồi MV12 được hưởng lãi suất BBA LIBOR và sẽ được hoàn trả hết vào ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khoản cho vay nói trên được thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh với Công ty Liên doanh Ròng Đồi MV Pte, Ltd. và không có bảo đảm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, số dư khoản cho vay này 4.696.853,75 Đô la Mỹ, tương đương 98.967.405.366 đồng.

14. DỰ PHÒNG GIÁM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty mẹ đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn và trích lập dự phòng giảm giá các đầu tư theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Chi tiết như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con		
Công ty Cổ Phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4.742.079.733	10.241.139.332
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Tổng hợp Quảng Bình	-	15.939.422.008
Công ty Cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC	285.581.000.000	285.581.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	-	1.826.214.562
	290.323.079.733	313.587.775.902
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		
Công ty Liên doanh PTSC SEA	-	474.522.527
Công ty Liên doanh PTSC AP	3.389.442.323	2.467.572.386
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	55.579.294.613	-
	58.968.736.936	2.942.094.913

02-C
 TÓNG
 CỔ
 CH VỤ
 DÀ
 VI
 TP
 02-C
 NH
 Y
 NỮU H
 TE
 AM
 O CH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh tài sản Việt Nam	10.329.990.000	10.329.990.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	324.328.305	419.941.975
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	5.800.000.000	721.653.412
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	15.032.231.500	411.721.961
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam	2.815.343.710	2.815.343.710
	34.301.893.515	14.698.651.058

Chi tiết biến động trong năm của các khoản dự phòng đầu tư tài chính như sau:

	Đầu tư vào Công ty con	Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	Đầu tư dài hạn khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	313.587.775.902	2.942.094.913	14.698.651.058	331.228.521.873
Trích lập dự phòng	-	56.501.164.550	19.698.856.127	76.200.020.677
bổ sung trong năm	-	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	(23.264.696.169)	(474.522.527)	(95.613.670)	(23.834.832.366)
Tại ngày 31/12/2013	290.323.079.733	58.968.736.936	34.301.893.515	383.593.710.184

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

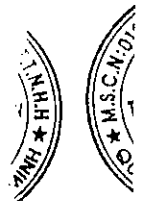
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	(Trình bày lại) VND
Thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn	317.886.539.863	322.189.992.967
Chi phí trả trước dài hạn khác	8.379.360.454	10.484.014.701
	326.265.900.317	332.674.007.668

16. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại do Công ty mẹ ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Doanh thu	Giá vốn	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	86.392.590.945	(5.145.653.324)	-	-	81.246.937.621
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(70.726.635.643)	(1.658.618.542)	4.367.152.556	(2.400.385.458)	(70.418.487.087)
Tại ngày 31/12/2012	15.665.955.302	(6.804.271.866)	4.367.152.556	(2.400.385.458)	10.828.450.534
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(5.118.568.398)	4.030.177.812	(4.367.152.556)	2.400.385.458	(3.055.157.684)
Tại ngày 31/12/2013	10.547.386.904	(2.774.094.054)	-	-	7.773.292.850

015
 CÔNG
 PH
 KÝ
 J K
 (N
 H



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được bù trừ cho mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng.

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	228.630.275.888	228.630.275.888
Nợ dài hạn đến hạn trả	694.201.859.435	817.103.591.973
Tổng	922.832.135.323	1.045.733.867.861

Khoản vay ngắn hạn với số tiền là 228.630.275.888 đồng từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam bắt đầu từ ngày 30 tháng 9 năm 2013 và thời gian đáo hạn là ngày 30 tháng 9 năm 2014. Trước đây, mục đích của khoản vay này nhằm bổ sung vốn lưu động tạm ứng thanh toán chi phí đóng kho nội FSO5. Hiện tại, Công ty mẹ đã nhượng lại kho nội này cho Liên doanh Dầu khí Việt Nga ("VSP"). Khoản vay này có mức lãi suất ưu đãi là 0%/năm và không có tài sản đảm bảo.

Thực hiện theo Công văn số 6351/DKVN-KH ngày 19 tháng 7 năm 2011 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chuyển nhượng công trình kho nội chứa dầu FSO5, Công ty mẹ đã hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng FSO5 cho Vietsov Petro ("VSP") trong năm 2011. Theo thỏa thuận, Công ty mẹ đồng thời đã chuyển toàn bộ nợ vay dài hạn gốc Đô la Mỹ từ PVcomBank phục vụ dự án này sang cho VSP. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, toàn bộ số dư nợ gốc 53.589.937,62 Đô la Mỹ (tương đương 1.129.193.575.591 đồng) phải trả cho PVcomBank đã được chuyển giao cho VSP theo hình thức cần trừ với khoản phải thu VSP phát sinh từ việc nhận chuyển nhượng tài sản này.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	(Trình bày lại) VND
Thuế giá trị gia tăng	35.146.391.693	36.542.599.003
Thuế xuất, nhập khẩu	-	22.679.546
Thuế thu nhập doanh nghiệp	76.892.521.032	100.587.001.504
Thuế thu nhập cá nhân	4.688.598.482	6.390.068.632
Các loại thuế khác	15.639.563.329	6.761.431.172
	132.367.074.536	150.303.779.857

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2012 (Trình bày lại) VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2013 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	36.542.599.003	335.452.693.238	336.848.900.548	35.146.391.693
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	17.027.331.651	17.027.331.651	-
Thuế xuất nhập khẩu	22.679.546	1.687.726.000	1.710.405.546	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	100.587.001.504	230.484.453.408	254.178.933.880	76.892.521.032
Thuế thu nhập cá nhân	6.390.068.632	41.526.687.426	43.228.157.576	4.688.598.482
Thuế nhà đất	-	15.497.599.494	15.497.599.494	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế TNDN nhà thầu phụ	1.723.750.754	65.210.927.079	62.699.551.244	4.235.126.589
Thuế GTGT nhà thầu phụ	100.357.181	146.656.064.299	135.351.984.740	11.404.436.740
Thuế môn bài nhà thầu phụ	-	31.000.000	31.000.000	-
Tiền thuế đất	4.937.323.237	350.971.789	5.288.295.026	-
Thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
	150.303.779.857	853.940.454.384	871.877.159.705	132.367.074.536

057
G T
AN
THU
HI
AM
CH
01/250
CHI N
CON
AACHNH
DEL
VIỆ
AN 1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí công trình Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	96.572.281.670	96.613.931.670
Lãi vay phải trả các Tổ chức tín dụng	20.740.832.873	128.724.961.913
Lãi vay phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	104.637.167.612	87.114.676.617
Lãi vay phải trả PVEP do nhận chuyển nhượng tàu Bình Minh 02	16.566.983.777	19.880.380.533
Chi phí thanh lý tàu Ruby Princess	-	20.319.272.698
Trích trước giá trị vật tư tàu Bình Minh 02	-	20.835.143.000
Chi phí dịch vụ căn cứ hậu cần thực hiện cho Vietgazzprom	-	17.468.610.224
Chi phí thực hiện dự án PVN12	30.639.586.866	-
Chi phí phải trả khác	650.454.482	14.181.893.225
	<u>269.807.307.280</u>	<u>405.138.869.880</u>

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u> (Trình bày lại)
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	651.690.052.096	965.729.216.010
Gulf Marine Far East (Pte) Ltd	19.360.675.470	17.539.076.374
Công ty TNHH MTV Điều hành thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước	6.736.023.440	8.713.872.219
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	-	7.138.091.972
Phải trả cổ tức các cổ đông ngoài PVN	6.512.583.673	6.022.862.173
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	-	6.292.463.918
Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP)	210.710.000.000	208.150.000.000
Tổng Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam	9.141.595.771	111.000.000.000
Tập đoàn Công nghiệp Tàu Thủy Việt Nam (Vinashin)	392.423.879.800	386.515.160.668
Công ty TNHH Cảng Thanh Hóa (thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa)	39.338.750.137	39.338.750.137
Tổng công ty Xây dựng Đường Thủy	10.686.875.586	-
Mastek Oil Tools Sdn.Bhd	15.526.461.240	-
PC Vietnam Limited (Petronas)	8.273.086.586	-
Pacific Richfield Marine Pte Ltd (PRM)	3.163.898.736	-
NORDIC MARITIME PTLTD	6.321.300.000	6.244.500.000
Lương, thưởng người lao động	5.526.861.807	-
InterMoor Pte Ltd	19.526.026.027	-
Phải trả khác liên quan đến chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh	10.694.553.341	34.035.706.429
Các khoản phải trả khác	23.421.591.287	17.882.842.089
	<u>1.439.054.214.997</u>	<u>1.814.602.541.989</u>

Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm các khoản chính như giá trị chuyển nhượng Nhà máy Đóng tàu Nhơn Trạch 355.559.451.500 đồng và số phải trả đến hạn trong năm 2013 của giá trị chuyển nhượng cảng Nghi Sơn, Thanh Hóa với số tiền là 281.833.300.000 đồng.



Handwritten signature or initials.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Khoản phải trả Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP) là số tiền phải trả liên quan tới dịch vụ thuê tàu FPSO, khoản tiền này sẽ được thanh toán cho PTSC AP khi Công ty mẹ nhận được thanh toán từ Công ty điều hành chung Lam Sơn, bên thuê tàu EPSO.

Khoản phải trả cho Vinashin là khoản thanh toán đợt cuối chi phí đóng mới kho nổi chứa dầu FSO5 mà Công ty mẹ là chủ đầu tư và Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin) là nhà thầu thực hiện. Khoản phải trả này sẽ bù trừ một phần với khoản phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam như đã nêu tại Thuyết minh số 7 bên trên khi hai bên quyết toán giá trị công trình này.

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam	649.072.721.547	1.081.336.714.615
Đô la Mỹ	1.728.181.661.531	2.175.908.965.269
	<u>2.377.254.383.078</u>	<u>3.257.245.679.884</u>

Vay và nợ dài hạn thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ từ các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính trong nước với lãi suất từ 4,1% đến 14,8% đối với Đồng Việt Nam và từ 1,6756% đến 5,65% đối với khoản vay Đô la Mỹ. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam hoặc bảo đảm bằng tài sản hình thành từ các khoản vay như đã trình bày trong Thuyết minh số 9 hoặc không có bảo đảm. Số dư các khoản vay bằng Đô la Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tương đương 82.017.069 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 104.535.622 Đô la Mỹ).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	694.201.859.435	817.103.591.973
Trong năm thứ hai	613.639.856.129	771.249.585.862
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.049.224.995.514	1.568.855.713.716
Sau năm năm	20.187.672.000	100.036.788.333
	<u>2.377.254.383.078</u>	<u>3.257.245.679.884</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(694.201.859.435)	(817.103.591.973)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>1.683.052.523.643</u>	<u>2.440.142.087.911</u>

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
Số lượng cổ phần đang ký phát hành	446.700.421	312.692.241
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	446.700.421	297.802.094
Số lượng cổ phần đang lưu hành	446.700.421	297.802.094

Công ty mẹ chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty mẹ.



Handwritten signature or initials.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

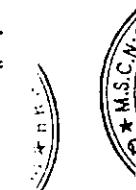
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường số 879/NQ-DVĐK-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 10 năm 2012, các cổ đông của Công ty mẹ đã phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty mẹ từ 2.978 tỷ đồng lên 4.467 tỷ đồng bằng việc phát hành 148.901.047 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, 44.670.314 cổ phần được phát hành cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo tỷ lệ thực hiện quyền là 20:03 (tại ngày chốt quyền, cổ đông sở hữu 20 cổ phần sẽ được nhận 03 cổ phần mới) và 104.230.733 cổ phần được phát hành chào bán cho cổ đông hiện hữu với giá bán là 10.000 đồng/cổ phần với tỷ lệ thực hiện quyền là 20:07 (tại ngày chốt quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được phân phối 01 quyền mua và cổ đông sở hữu 20 cổ phần được mua 07 cổ phần mới). Ngày 07 tháng 3 năm 2013, Hội đồng Quản trị của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ban hành Nghị quyết số 158/NQ-DVKT-HĐQT về việc phê duyệt kết quả đợt phát hành cổ phần này. Theo đó, tổng số cổ phần đã phân phối thêm là 148.898.327 cổ phần, trong đó phát hành cổ phần từ nguồn thặng dư vốn cổ phần là 44.667.594 cổ phần, cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền là 102.282.582 cổ phần, còn lại là cổ phần đời dư 1.948.151 cổ phần đã được bán cho các cán bộ chủ chốt có nhiều công hiến theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số cổ phiếu này đã được niêm yết bổ sung theo Quyết định số 75/QĐ-SGDHN ngày 26 tháng 3 năm 2013 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu Tổng Công ty cổ phần Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty là 4.467.004.210.000 đồng (năm 2012: 3.000.000.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	31/12/2013		31/12/2012	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51,38	2.295.000.000.000	51,38	1.530.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVcomBank)	5,84	260.945.000.000	5,85	174.078.000.000
Nhóm quỹ FTIF-Templeton Frontier Markets	6,14	274.181.740.000	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác	36,64	1.636.877.470.000	42,77	1.273.942.940.000
	100,00	4.467.004.210.000	100,00	2.978.020.940.000



Handwritten signature

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

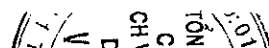
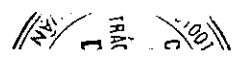
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

THAY ĐỔI TRONG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối (Trình bày lại)	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	2.978.020.940.000	486.293.000.000	4.109.381.964	690.915.466.053	106.896.368.018	1.157.119.778.318	5.423.354.934.353
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	815.991.689.665	815.991.689.665
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	328.736.162.461	58.194.856.964	(561.515.590.318)	(174.584.570.893)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(595.604.188.000)	(595.604.188.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(4.109.381.964)	-	-	-	(4.109.381.964)
Số dư tại ngày 31/12/2012 (Trình bày lại)	2.978.020.940.000	486.293.000.000	-	1.019.651.628.514	165.091.224.982	815.991.689.665	5.465.048.483.161
Tăng vốn trong năm	1.042.307.330.000	-	-	-	-	-	1.042.307.330.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.102.049.569.606	1.102.049.569.606
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	91.976.383.629	38.320.543.008	(245.258.555.662)	(114.961.629.025)
Tăng vốn từ thặng dư cổ phần	446.675.940.000	(446.675.940.000)	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(521.152.304.500)	(521.152.304.500)
Số dư tại ngày 31/12/2013	4.467.004.210.000	39.617.060.000	-	1.111.628.012.143	203.411.767.990	1.151.630.399.109	6.973.291.449.242

Theo Nghị quyết số 323/QĐ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, các cổ đông của Công ty mẹ đã phê duyệt tỷ lệ chia cổ tức của năm 2012 là 15% trên mệnh giá cổ phần với số tiền 521,15 tỷ đồng, trích Quỹ dự phòng tài chính là 38,32 tỷ đồng, trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi là 114,96 tỷ đồng, trích Quỹ đầu tư phát triển là 91,98 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty mẹ đã thực hiện chi trả 15% cổ tức của năm 2012 và đã thực hiện trích lập các quỹ theo nghị quyết nêu trên.

Handwritten signature



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013	Năm 2012 (Trình bày lại)
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	272.456.507.082	162.999.583.945
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.297.808.481.985	7.435.402.345.536
	8.570.264.989.067	7.598.401.929.481

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012 (Trình bày lại)
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	264.471.456.506	153.535.027.039
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.115.255.549.786	6.434.820.702.672
	7.379.727.006.292	6.588.355.729.711

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012 (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	462.390.350.273	534.495.968.649
Chi phí nhân công	602.545.389.490	388.204.629.712
Chi phí khấu hao tài sản cố định	369.885.373.686	389.571.414.771
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.310.535.612.753	5.345.201.338.912
Chi phí khác	129.018.659.063	277.844.651.908
	7.874.375.385.264	6.935.318.003.952

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	124.459.503.866	191.603.432.554
Cổ tức, lợi nhuận được chia	558.843.171.288	274.907.740.902
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	53.941.388.467
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.904.989.166	36.462.812.595
Doanh thu sử dụng vốn nội bộ	1.143.786.225	7.643.797.346
	704.351.450.545	564.559.171.864

001
3 C
O P
U K
AU
ET
P. H
25C
H N
CÓN
HHH
ELI
VIỆ
/ - T

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí lãi vay	75.237.035.048	105.462.169.599
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	16.688.510.008	14.757.414.154
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	32.102.196.319	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.325.885.339	14.152.487.283
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	52.365.188.311	289.317.853.958
Chi phí tài chính khác	55.659.319.512	136.082.741.980
	243.378.134.537	559.772.666.974

28. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	234.545.454
Thu từ phạt, bồi thường	1.933.839.179	9.665.411.040
Hoàn nhập dự phòng chi phí thanh lý tàu Ruby Princess	20.319.272.698	-
Hoàn nhập trích trước chi phí dự phòng sự cố Riser tàu FSO5	-	345.570.363.780
Thu nhập cung cấp nhân sự quản lý cho MVOT	25.258.369.270	-
MVOT hoàn phí thành lập	-	6.559.591.148
Chênh lệch đánh giá lại tài sản khi góp vốn	6.903.284.511	27.718.698.422
Thu nhập khác	7.136.044.023	13.517.082.052
	61.550.809.681	403.265.691.896
Chi phí khác		
Tiền phạt, bồi thường	587.199.754	7.229.283.407
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	168.884.700
Trích trước chi phí vật tư tàu Bình Minh 02	-	20.835.143.000
Chi phí dự án Cảng quốc tế PVTrans	5.833.899.600	-
Các khoản chi phí khác	11.756.770.460	10.560.889.746
	18.177.869.814	38.794.200.853
Lợi nhuận khác	43.372.939.867	364.471.491.043

505
 NG T
 IÁN
 Ỹ TH
 KHÍ
 IAM
 0-002
 IÁN H
 G TY
 M HỮU
 BITT
 NAN
 P. HỒ C

1100

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	1.335.589.180.697	1.087.131.305.581
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(478.698.258.660)	(410.903.784.582)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	65.046.891.593	126.244.271.268
Thu nhập chịu thuế	921.937.813.630	802.471.792.267
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	230.484.453.407	200.617.948.067
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	103.180.762
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	230.484.453.407	200.721.128.829

30. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty mẹ có các khoản cam kết thuế tàu hoạt động và thuê đất tại Vũng Tàu với mục đích làm văn phòng cho PTSC không hủy ngang với tổng số tiền thuế là 3.460 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.109 tỷ đồng). Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2012. Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty mẹ có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty mẹ gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và số 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty mẹ tại ngày kết thúc năm kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	2.605.884.658.966	3.485.875.955.772
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.924.233.070.863	2.735.680.330.612
Nợ thuần	(318.348.411.897)	750.195.625.160
Vốn chủ sở hữu	6.973.291.449.242	5.465.084.958.572
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	0,14

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty mẹ áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 5.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012 (Trình bày lại)
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.924.233.070.863	2.735.680.330.612
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.897.911.869.625	4.489.772.086.369
Đầu tư tài chính dài hạn	160.948.555.561	229.418.486.358
Các khoản ký quỹ	2.120.800.171	2.234.732.075
Tổng cộng	7.985.214.296.220	7.457.105.635.414
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.605.884.658.966	3.485.875.955.772
Phải trả người bán và phải trả khác	3.593.456.176.081	3.409.979.623.992
Chi phí phải trả	269.807.307.280	405.138.869.880
Tổng cộng	6.469.148.142.327	7.300.994.449.644

Công ty mẹ chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty mẹ đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty mẹ phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phân ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty mẹ.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty mẹ thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty mẹ sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty mẹ quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ như sau:



Handwritten signature

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	3.783.544.478.715	979.035.490.986	3.167.385.040.538	5.736.913.166.768
Bảng Anh (GBP)	6.303.774.358	1.968.600.607	6.107.696.748	2.587.225.777
Đô la Singapore (SGD)	6.466.886.581	-	5.832.365.048	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty mẹ trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty mẹ sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	30.807.971.909	(237.893.883.789)

Dựa trên sự phân tích tương tự cho GBP và SGD thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty mẹ chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty mẹ chịu rủi ro lãi suất khi Công ty mẹ vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty mẹ quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ giảm/tăng 47.545.087.662 đồng.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mẹ chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty mẹ không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty mẹ. Công ty mẹ có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty mẹ có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty mẹ không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

D: 0
 TỔN
 C
 DỊCH
 D
 NHÁ
 NG T
 NIEMI
 OIT
 T N
 TP. H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty mẹ quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty mẹ tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty mẹ là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty mẹ duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty mẹ phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty mẹ khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.924.233.070.863	-	-	2.924.233.070.863
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.897.911.869.625	-	-	4.897.911.869.625
Đầu tư tài chính dài hạn	-	160.948.555.561	-	160.948.555.561
Các khoản ký quỹ	125.000.000	1.995.800.171	-	2.120.800.171
Tổng cộng	7.822.269.940.488	162.944.355.732	-	7.985.214.296.220

31/12/2013				
Các khoản vay	922.832.135.323	1.662.864.851.643	20.187.672.000	2.605.884.658.966
Phải trả người bán và phải trả khác	3.328.372.385.642	265.083.790.439	-	3.593.456.176.081
Chi phí phải trả	269.807.307.280	-	-	269.807.307.280
Tổng cộng	4.521.011.828.245	1.927.948.642.082	20.187.672.000	6.469.148.142.327

Chênh lệch thanh khoản thuần	3.301.258.112.243	(1.765.004.286.350)	(20.187.672.000)	1.516.066.153.893
-------------------------------------	--------------------------	----------------------------	-------------------------	--------------------------

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng (Trình bày lại) VND
31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.735.680.330.612	-	-	2.735.680.330.612
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.489.772.086.369	-	-	4.489.772.086.369
Đầu tư tài chính dài hạn	-	229.418.486.358	-	229.418.486.358
Các khoản ký quỹ	163.000.000	2.071.732.075	-	2.234.732.075
Tổng cộng	7.225.615.416.981	2.31.490.218.433	-	7.457.105.635.414

31/12/2012				
Các khoản vay	1.045.733.867.861	2.340.105.299.578	100.036.788.333	3.485.875.955.772
Phải trả người bán và phải trả khác	3.078.639.948.443	331.339.675.549	-	3.409.979.623.992
Chi phí phải trả	405.138.869.880	-	-	405.138.869.880
Tổng cộng	4.529.512.686.184	2.671.444.975.127	100.036.788.333	7.300.994.449.644

Chênh lệch thanh khoản thuần	2.696.102.730.797	(2.439.954.756.694)	(100.036.788.333)	156.111.185.770
-------------------------------------	--------------------------	----------------------------	--------------------------	------------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty mẹ có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

02-C
IH
Y
UU HA
TE
IM
SCH

1001
G C
Ó PH
VU KỸ
ĐẦU K
ÉT N
P. HỒ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***32. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty mẹ đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:	Mối quan hệ
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSPM)	Công ty trong Tập đoàn PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu (LPSH)	Công ty trong Tập đoàn PVN
Các công ty con trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	Công ty con
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cổ đông chính, công ty mẹ
Công ty Cổ phần PVI	Công ty trong Tập đoàn PVN
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	Công ty trong Tập đoàn PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (DQS)	Công ty trong Tập đoàn PVN
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty trong Tập đoàn PVN
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (Pvcombank)	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (EIC)	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC)	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas)	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	Công ty trong Tập đoàn PVN
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (PVE)	Công ty trong Tập đoàn PVN
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí (PVMTC)	Công ty trong Tập đoàn PVN

TINH H

5057
NG
AKS
H
H
AM
CH
M.S.C.A.

MNH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	Năm 2013 <u>VND</u>	Năm 2012 <u>VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu	18.893.926.400	169.111.675.880
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSPM)	28.582.404.428	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	737.402.197.587	4.140.024.122
Công ty Cổ phần PVI	-	18.252.080
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	1.368.113.333.107	451.682.017.677
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	256.781.817
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	13.521.251.512	12.341.308.542
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	112.012.088.402	172.896.969.271
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	8.035.414.618	7.028.054.659
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	3.949.331.956	1.062.139.018
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC)	41.658.239.235	42.363.568.577
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	818.173.935.586	524.748.505.830
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí (PVMTC)	25.204.090.159	12.717.639.038
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (PVE)	2.107.490.926	-
Các công ty con trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	3.190.123.496.471	763.059.006.533
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank)	29.460.832.324	21.000.219.446
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:		
	Năm 2013 <u>VND</u>	Năm 2012 <u>VND</u>
Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	15.527.863.636	13.391.182.917



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu (LPSH)	442.519.421.436	442.559.005.596
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.631.301.570	792.939.120
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	333.643.266.972	41.719.807.175
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	7.141.411.883	6.468.637.009
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	48.610.067.819	56.868.722.343
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	4.242.318.886	1.632.305.765
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	2.544.851.409	6.951.519.620
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	28.914.000	4.812.533.072
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC)	7.193.244.591	8.216.977.068
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	334.020.431.294	109.491.191.173
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (PVE)	9.751.021.867	7.432.781.848
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí (PVMTC)	3.752.446.749	3.494.088.856
Các công ty con trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	<u>321.844.506.564</u>	<u>123.332.689.604</u>

Phải thu khác

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.927.589.014	-
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam	228.630.275.888	224.157.274.969
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu (LPSH)	561.165.082.100	542.635.104.180
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (DQS)	366.062.461.416	366.062.461.416
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	23.719.193.800	-
Các công ty con trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	<u>883.195.019.936</u>	<u>1.106.444.364.863</u>

Trả trước cho người bán

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (EIC)	1.301.175.000	1.301.175.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	<u>1.365.372.431</u>	<u>2.121.667.803</u>

100
 NG C
 O PH
 U KY
 DẦU K
 IẾT N
 P. H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (EIC)	1.113.849.967	1.608.736.321
Các công ty con trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	27.232.820.550	9.056.156.867
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	23.625.453.386	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco)	6.612.001.868	8.679.874.097
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	4.834.627.153	10.421.140.529
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	5.832.600.829	5.560.032.440
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	347.861.542.824	401.146.670.650
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí (PVMTC)	-	580.563.322
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (DQS)	2.170.560.392	-
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải trả khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	651.690.052.096	965.729.216.010
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	-	6.292.463.918
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	9.141.595.771	111.000.000.000
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	-	7.138.091.972
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Người mua trả trước		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú Sông Hậu (LPSH)	1.325.908.043.665	1.262.298.859.827
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas)	13.310.399.729	-
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSPM)	196.033.825.148	-
Các công ty con trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	13.310.399.729	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng



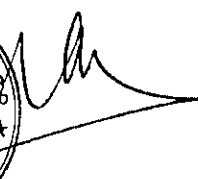
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank)	228.630.275.888	228.630.275.888
Vay dài hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank)	732.282.265.084	964.001.550.693



Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng

Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

